

# CHUYÊN MỤC PHÁP LUẬT KINH TẾ



\* Bài viết chuyên đề:

## LUẬT BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG CÓ THỰC SỰ BẢO VỆ ĐƯỢC NGƯỜI TIÊU DÙNG

*Ths. Nguyễn Hữu Mạnh  
Khoa Luật – Trường ĐH Kinh tế quốc dân*

*Pháp lệnh Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng số 13/1999/PL-UBTVQH ngày 27 tháng 4 năm 1999 đã tạo nên hành lang pháp lý quan trọng trong việc bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Tuy nhiên, các quy định của Pháp lệnh này mới chỉ dừng lại ở những quy định chung, dẫn đến nhiều bất cập trong thực thi.*

*Thực trạng công tác bảo vệ người tiêu dùng tại Việt Nam cho thấy, các vụ vi phạm quyền lợi người tiêu dùng có xu hướng ngày càng gia tăng cả về số lượng và mức độ. Hàng loạt các vụ vi phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích của người tiêu dùng được phát hiện như: nước tương nhiễm chất 3-MCPD, thạch rau câu có chứa DEHP, mỡ động vật không rõ nguồn gốc xuất xứ, điện kế điện tử giả; sữa có chất melamine, gian lận cước taxi bằng cách gắn bộ tăng cây số do Trung Quốc sản xuất dưới gầm xe, nút bấm điều khiển dưới vô-lăng xe; xăng pha aceton.... Những vụ việc này đã gây thiệt hại không chỉ về tài sản mà còn ảnh hưởng đến sức khỏe thậm chí là tính mạng của người tiêu dùng.*

*Thực trạng trên đòi hỏi phải có cách tiếp cận mới trong lĩnh vực bảo vệ người tiêu dùng. Ngày 17 tháng 11 năm 2010 Quốc hội đã thông qua Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Đạo luật này có hiệu lực kể từ ngày 1/7/2011 thay thế Pháp lệnh bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. So với Pháp lệnh bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, đạo luật được ban hành ngày 17/11/2010 này có nhiều điểm mới. Liệu với những điểm mới đó, Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thực sự có bảo vệ được người tiêu dùng hay không.*

### I. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG

#### 1. Bảo vệ thông tin của người tiêu dùng

Hiện nay thông tin về người tiêu dùng bị rò rỉ và không có cơ chế xử lý. Thậm chí bị người cung cấp hàng hóa, dịch vụ lợi dụng, “bán đứng” vì mục đích thương mại như thư rác quảng cáo qua e-mail; tin nhắn quảng cáo, tiếp thị qua điện thoại...

Xuất phát từ yêu cầu chính đáng cần được bảo vệ thông tin trong khi tham gia giao dịch, sử dụng hàng hóa của người tiêu dùng, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng đã đưa nguyên tắc bảo vệ thông tin của người tiêu dùng thành một trong những nguyên tắc cơ bản. Đây là quy định hoàn toàn mới của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng so với Pháp lệnh Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trước đây.

Luật bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng quy định: Người tiêu dùng được bảo đảm an toàn, bí mật thông tin của mình khi tham gia giao dịch, sử dụng hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

Trường hợp thu thập, sử dụng, chuyển giao thông tin của người tiêu dùng thì tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm: Thông báo rõ ràng, công khai trước khi thực hiện với người tiêu dùng về mục đích hoạt động thu thập, sử dụng thông tin của người tiêu dùng; Sử dụng thông tin phù hợp với mục đích đã thông báo với người tiêu dùng và phải được người tiêu dùng đồng ý; Bảo đảm an toàn, chính xác, đầy đủ khi thu thập, sử dụng, chuyển giao thông tin của người tiêu dùng; Tự mình hoặc có biện pháp để người tiêu dùng cập nhật, điều chỉnh thông tin khi phát hiện thấy thông tin đó không chính xác; Chỉ được chuyển giao thông tin của người tiêu dùng cho bên thứ ba khi có sự đồng ý của người tiêu dùng, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác<sup>1</sup>.

## **2. Quy định cụ thể về nghĩa vụ của người tiêu dùng**

Không chỉ quy định về quyền và các biện pháp bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng, một trong những điểm mới nổi bật mà Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng đưa ra là quy định cụ thể về nghĩa vụ của người tiêu dùng. Việc thực hiện nghĩa vụ này là biện pháp người tiêu dùng chủ động ngăn ngừa, bảo vệ quyền lợi của mình cũng như người tiêu dùng khác.

Người tiêu dùng có nghĩa vụ đảm bảo và tạo điều kiện cho công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng được thực hiện một cách hiệu quả. Cụ thể, người tiêu dùng có nghĩa vụ kiểm tra hàng hoá trước khi nhận; lựa chọn tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, không làm tổn hại đến môi trường, trái với thuần phong mỹ tục và đạo đức xã hội, không gây nguy hại đến tính mạng, sức khỏe của mình và của người khác; thực hiện chính xác, đầy đủ hướng dẫn sử dụng hàng hóa, dịch vụ.

Đặc biệt so với Pháp lệnh Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng khẳng định nghĩa vụ của người tiêu dùng trong việc thông tin cho cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan khi phát hiện hàng hóa, dịch vụ lưu hành trên thị trường không bảo đảm an toàn, gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của người tiêu dùng; hành vi của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng<sup>2</sup>.

---

<sup>1</sup> Xem Điều 6 Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2010.

<sup>2</sup> Xem Điều 9 Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2010.

### **3. Các hành vi bị cấm trong lĩnh vực Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng**

Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng đã đưa ra các quy định chi tiết và đầy đủ về các hành vi bị cấm đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa dịch vụ cũng như hành vi bị cấm đối với người tiêu dùng, tổ chức bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ, Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng cấm các hành vi lừa dối hoặc gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng thông qua hoạt động quảng cáo hoặc che giấu, cung cấp thông tin không đầy đủ, sai lệch, không chính xác; cấm các hành vi quấy rối người tiêu dùng thông qua tiếp thị hàng hoá, dịch vụ trái với ý muốn của người tiêu dùng từ 02 lần trở lên hoặc có hành vi khác gây cản trở, ảnh hưởng đến công việc, sinh hoạt bình thường của người tiêu dùng; cấm hành vi ép buộc người tiêu dùng; cấm hành vi đề nghị giao dịch trực tiếp với đối tượng là người không có năng lực hành vi dân sự hoặc người mất năng lực hành vi dân sự; cấm hành vi yêu cầu người tiêu dùng thanh toán hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp mà không có thoả thuận trước với người tiêu dùng; cấm hành vi lợi dụng hoàn cảnh khó khăn của người tiêu dùng hoặc lợi dụng thiên tai, dịch bệnh để cung cấp hàng hóa, dịch vụ không bảo đảm chất lượng; cấm kinh doanh hàng hoá, dịch vụ không bảo đảm chất lượng gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của người tiêu dùng.

Đối với người tiêu dùng, tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng cũng cấm hành vi lợi dụng việc bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác<sup>3</sup>.

### **4. Trách nhiệm của bên thứ ba trong việc cung cấp thông tin về hàng hoá, dịch vụ cho người tiêu dùng**

Điểm mới quan trọng trong Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng là quy định về trách nhiệm ràng buộc đối với bên thứ ba trong việc cung cấp thông tin về hàng hóa, dịch vụ cho người tiêu dùng. Bên thứ ba ở đây có thể hiểu là những đơn vị truyền thông, quảng cáo về hàng hóa, dịch vụ của tổ chức, cá nhân kinh doanh tới người tiêu dùng.

Trường hợp tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ cung cấp thông tin cho người tiêu dùng thông qua bên thứ ba thì bên thứ ba có trách nhiệm: Bảo đảm cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ về hàng hoá, dịch vụ được cung cấp; Yêu cầu tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ cung cấp chứng cứ chứng minh tính

---

<sup>3</sup> Xem Điều 10 Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2010.

chính xác, đầy đủ của thông tin về hàng hoá, dịch vụ; Chịu trách nhiệm liên đới về việc cung cấp thông tin không chính xác hoặc không đầy đủ, trừ trường hợp chứng minh đã thực hiện tất cả biện pháp theo quy định của pháp luật để kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của thông tin về hàng hóa, dịch vụ; Tuân thủ các quy định của pháp luật về báo chí, pháp luật về quảng cáo<sup>4</sup>.

### **5. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đối với người tiêu dùng**

So với Pháp lệnh bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng đã bổ sung những quy định mới và chặt chẽ về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh đối với người tiêu dùng về vấn đề trách nhiệm bảo hành và thu hồi hàng hóa có khuyết tật, bồi thường thiệt hại do khuyết tật của hàng hóa gây ra cho người tiêu dùng.

Tổ chức, cá nhân kinh doanh phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ bảo hành đối với hàng hóa do mình cung cấp, trong thời gian bảo hành phải cung cấp cho người tiêu dùng hàng hóa tương tự để sử dụng tạm thời hoặc có hình thức giải quyết khác được người tiêu dùng chấp nhận, phải chịu chi phí về sửa chữa và vận chuyển hàng hóa, linh kiện được bảo hành... Đối với hàng hóa có khuyết tật, tổ chức, cá nhân kinh doanh phải thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, tiến hành thu hồi và báo kết quả với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng<sup>5</sup>.

### **6. Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong các hợp đồng mẫu**

Trên thực tế, thông thường các hợp đồng giao dịch giữa tổ chức, cá nhân kinh doanh với người tiêu dùng do tổ chức, cá nhân kinh doanh soạn thảo mẫu sẵn. Việc đưa ra các quy định điều chỉnh quan hệ hợp đồng giữa tổ chức, cá nhân kinh doanh và người tiêu dùng giúp khắc phục sự yếu thế của người tiêu dùng khi thương lượng, giao kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân kinh doanh. Tuy nhiên, Pháp lệnh bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng cũng như Nghị định hướng dẫn thi hành lại chưa đề cập, chưa có những quy định cụ thể điều chỉnh vấn đề này.

Khắc phục điều đó, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng đã quy định khá đầy đủ việc đăng ký hợp đồng theo mẫu đối với những hàng hóa, dịch vụ thiết yếu do Thủ tướng Chính phủ ban hành theo từng thời kỳ. Quy định này không chỉ giúp bảo vệ người tiêu dùng trong quá trình mua, sử dụng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phục vụ cuộc sống hàng ngày mà còn giúp cơ quan nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

---

<sup>4</sup> Xem Điều 13 Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2010.

<sup>5</sup> Xem Điều 21, 22, 23 Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2010.

## **7. Nâng cao vai trò của tổ chức xã hội trong bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng**

Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng đã bổ sung thêm những quy định mới nâng cao vai trò của tổ chức bảo vệ người tiêu dùng, góp phần xã hội hóa công tác bảo vệ người tiêu dùng như: quy định quyền tự khởi kiện vì lợi ích công cộng của tổ chức bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (Theo Pháp lệnh bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, chỉ cho phép các tổ chức này khởi kiện khi được người tiêu dùng ủy quyền); quy định tổ chức bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng được Nhà nước cấp kinh phí và các điều kiện khác khi tổ chức này thực hiện nhiệm vụ được cơ quan nhà nước giao. Quy định này thể hiện rõ quan điểm định hướng trong quá trình xây dựng Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng là xã hội hóa hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng<sup>6</sup>.

## **8. Bổ sung việc giải quyết tranh chấp tại tòa án giữa người tiêu dùng và các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ theo thủ tục đơn giản**

Các phương thức giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng và tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ, bao gồm: thương lượng; hòa giải; trọng tài và tòa án. Luật đã có quy định rất tiến bộ, đặc biệt phương thức giải quyết tranh chấp tại tòa án. Theo đó, tòa án nhân dân áp dụng thủ tục rút gọn để giải quyết vụ án dân sự về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong trường hợp vụ án dân sự đơn giản, cá nhân là người tiêu dùng khởi kiện; tổ chức, cá nhân trực tiếp cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho người tiêu dùng bị khởi kiện; vụ án đơn giản, chứng cứ rõ ràng; Giá trị giao dịch dưới 100 triệu đồng<sup>7</sup>. Quy định này giúp cho những tranh chấp nhỏ, đơn giản được giải quyết nhanh chóng, thuận tiện cho người tiêu dùng khi khởi kiện.

## **9. Bổ sung phương thức thương lượng để giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng và tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ**

Để khuyến khích người tiêu dùng và tổ chức, cá nhân kinh doanh tự giải quyết tranh chấp, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng đã đưa ra quy định giải quyết tranh chấp bằng phương thức thương lượng. Đây là một điểm hoàn toàn mới so với Pháp lệnh Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Theo đó, người tiêu dùng có quyền gửi yêu cầu đến tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ để thương lượng khi cho rằng quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm.

Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm tiếp nhận, tiến hành thương lượng với người tiêu dùng trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu<sup>8</sup>.

---

<sup>6</sup> Xem Điều 28 Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2010.

<sup>7</sup> Xem Điều 41 Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2010.

<sup>8</sup> Xem Điều 31 Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2010.

Pháp luật không can thiệp vào việc lựa chọn sử dụng phương thức này cũng như quá trình thương lượng và thi hành kết quả thương lượng thành của các bên. Tuy nhiên Luật quy định không được thương lượng, hoà giải trong trường hợp tranh chấp gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, lợi ích của nhiều người tiêu dùng, lợi ích công cộng.

## **10. Miễn nghĩa vụ chứng minh lỗi vi phạm của tổ chức, cá nhân kinh doanh và miễn tạm ứng án phí cho người tiêu dùng khi khởi kiện**

Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng đưa ra quy định miễn nghĩa vụ chứng minh lỗi và miễn tạm ứng án phí cho người tiêu dùng khi tiến hành khởi kiện các tổ chức cá nhân vi phạm quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Quy định này xuất phát từ vị trí yếu thế của người tiêu dùng trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ. Trong hầu hết các vụ vi phạm, người tiêu dùng hầu như không thể chứng minh được lỗi của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ do thiếu kiến thức, phương tiện, năng lực tài chính như vụ nước tương bản có chứa 3-MCPD, xăng pha aceton; sữa nhiễm melamine... Trong các vụ việc này, người tiêu dùng không thể chứng minh được các chất hóa học có hại trong sản phẩm. Ngoài ra, trong một số vụ việc liên quan đến lợi ích xã hội thì Nhà nước cần có cơ chế hỗ trợ người khởi kiện thông qua việc miễn tạm ứng án phí hoặc án phí<sup>9</sup>.

## **II. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT ĐỂ LUẬT BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG ĐI VÀO ĐỜI SỐNG**

### **1. Cần có Nghị định, Thông tư hướng dẫn chi tiết Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng**

Cũng như các đạo luật khác, Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng mới chỉ quy định những vấn đề mang tính nguyên tắc. Nhiều vấn đề còn phải được Nghị định của Chính phủ và Thông tư của Bộ quản lý chuyên ngành mới có thể áp dụng được. Đến thời điểm Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng có hiệu lực 1/7/2011 nhưng các văn bản Nghị định, Thông tư chưa có nên luật chưa thể đi vào đời sống.

### **2. Cần sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự để có quy định về thủ tục rút gọn trong giải quyết vụ án bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng**

Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng có quy định vấn đề áp dụng thủ tục rút gọn trong giải quyết vụ án bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, nhưng hiện nay thủ tục này chưa được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy, quy định của Luật

---

<sup>9</sup> Xem Điều 42, 43 Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2010.

bảo vệ người tiêu dùng về vấn đề này chưa thể áp dụng được. Muốn áp dụng, cần phải sửa Bộ luật tố tụng dân sự quy định về thủ tục rút gọn.

### **3. Cần có quy định về cơ quan tiếp nhận đăng ký hợp đồng mẫu**

Một khó khăn nữa là việc tiếp nhận đăng ký hợp đồng mẫu. Theo dự thảo Nghị định hướng dẫn chi tiết Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Bộ Công Thương sẽ chịu trách nhiệm tiếp nhận trong trường hợp hợp đồng áp dụng trên phạm vi cả nước hoặc trên phạm vi từ hai tỉnh trở lên. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sẽ tiếp nhận đối với hợp đồng áp dụng trong phạm vi tỉnh mình. Muốn thực hiện chức năng nói trên, các cơ quan này phải thành lập bộ phận chuyên trách để đảm nhận việc tiếp nhận, thẩm định hợp đồng. Đây là công việc đòi hỏi phải có thời gian chuẩn bị từ thủ tục thành lập, xin kinh phí đến việc tuyển dụng, đào tạo nhân lực có khả năng thực thi.

### **4. Cần tuyên truyền, phổ biến để thay đổi ý thức của người tiêu dùng**

Để các quy định pháp luật đi vào đời sống, không những cần phải có các quy định chi tiết, cụ thể để áp dụng, dễ thực hiện mà còn phụ thuộc vào ý thức pháp luật của người tiêu dùng. Người tiêu dùng không nắm rõ các quy định của pháp luật, sẽ bỏ mất một công cụ hữu hiệu để bảo vệ quyền lợi của mình trong đời sống.

Thực tế trong những năm trước đây, trình độ dân trí và tâm lý ngại kiện tụng của những người tiêu dùng nhỏ lẻ, những khó khăn để theo đuổi các vụ kiện đã làm nản lòng những người tiêu dùng có ý định đòi lại sự công bằng từ tòa án. Hy vọng, nếu có được thủ tục giải quyết rút gọn, đơn giản và nhanh chóng, người tiêu dùng không phải lo tiền tạm ứng án phí, không phải chứng minh lỗi của tổ chức, cá nhân kinh doanh sẽ động viên nhiều người tiêu dùng đấu tranh đòi quyền lợi chính đáng của mình. Sự ủng hộ của cộng đồng và của các tổ chức bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng cũng sẽ là nguồn động viên không nhỏ đối với người tiêu dùng trong việc giải quyết các vụ tranh chấp.

## **\* Một số vấn đề nổi bật của tháng 6**

- Ø Điểm tin một số văn bản pháp luật kinh tế
  - Ø Triển khai Luật Quản lý thuế : Hải quan cũng vướng
  - Ø Hoàn thiện dự thảo quản lý vàng miếng: Vẫn khó cho doanh nghiệp
  - Ø Luật Tài nguyên nước và những đòi hỏi mới trong công tác quản lý nhà nước
  - Ø Tranh cãi về thuế thu nhập cá nhân ủy quyền chuyển nhượng bất động sản
- 

### **I. Điểm tin một số văn bản pháp luật kinh tế**

**Nghị định số 44/2011/NĐ-CP ngày 14/6/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27/12/2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương.**

Ø Kể từ ngày 15/08/2011, cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương sẽ bao gồm thêm Cục Hóa chất bên cạnh 30 tổ chức giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước và 06 đơn vị sự nghiệp nhà nước trực thuộc Bộ theo như cơ cấu tổ chức trước đây; bên cạnh đó, Vụ Năng lượng trước đây cũng sẽ được đổi tên gọi thành Tổng cục Năng lượng.

Ø Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/08/2011.

Ø Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/09/2011 và bãi bỏ Mục 3 Chương II Nghị định số 142/2004/NĐ-CP ngày 08/07/2004 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về bưu chính viễn thông và tần số vô tuyến điện.

**Nghị định số 48/2011/NĐ-CP ngày 21/6/2011 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải.**

Ø Hành vi sử dụng người lao động không có bằng, chứng chỉ chuyên môn, giấy phép theo quy định; vi phạm quy định về báo hiệu ban ngày và đèn báo hiệu, đèn chiếu sáng ban đêm đối với giới hạn cầu cảng cho tàu cập cầu bảo đảm an toàn sẽ bị phạt từ 1 đến 5 triệu đồng.

Ø Đối với các vi phạm quy định về bảo vệ môi trường như xả rác, xả chất thải khác xuống cầu cảng hoặc vùng nước cảng biển; không có kế hoạch ứng cứu sự cố tràn dầu theo quy định đối với cảng xăng dầu bị phạt từ 5 đến 10 triệu đồng. Phạt tiền từ 30 đến 50 triệu đồng đối với hành vi xả nước có lẫn dầu xuống cầu cảng hoặc vùng nước cảng biển; mức phạt sẽ từ 50 đến 100 triệu đồng khi tổ chức, cá nhân xả nước hoặc chất thải rắn có lẫn hóa chất độc hại xuống cầu cảng hoặc vùng cảng biển.



Ø Phạt tiền từ 5 đến 10 triệu đồng khi tổ chức, cá nhân cho tàu thuyền vào cảng hoặc neo đậu tại vùng nước cảng biển khi chưa được phép của Cảng vụ hàng hải; tự ý bốc, dỡ hàng hóa khi tàu thuyền chưa hoàn thành thủ tục vào cảng theo quy định; không có giấy chứng nhận an ninh bến cảng hoặc không thực hiện kế hoạch an ninh cảng biển theo quy định.

Ø Đối với hành vi thi công công trình khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền và để xảy ra tai nạn; thi công sai vị trí được phép và để xảy ra tai nạn; thi công công trình gây ô nhiễm môi trường bị phạt tiền từ 30 đến 60 triệu đồng...

Ø Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/09/2011 và thay thế Nghị định số 62/2006/NĐ-CP ngày 21/06/2006.

**Nghị định số 49/2011/NĐ-CP ngày 21/06/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 11 Nghị định số 173/2007/NĐ-CP ngày 28/11/2007 về tổ chức và hoạt động của hoa tiêu hàng hải.**

Ø Phí hoa tiêu hàng hải là nguồn thu thuộc ngân sách nhà nước; các công ty hoa tiêu trực tiếp thu phí hoa tiêu hàng hải thay vì trách nhiệm thu phí hoa tiêu hàng hải trước đây thuộc về Cảng vụ hàng hải. Nguồn kinh phí để thanh toán dịch vụ hoa tiêu hàng hải được lấy từ nguồn thu phí hoa tiêu hàng hải và được bổ sung từ nguồn ngân sách nhà nước.

Ø Chính phủ cũng giao Bộ Giao thông Vận tải có trách nhiệm xây dựng, ban hành định mức kinh tế kỹ thuật dịch vụ hoa tiêu hàng hải và tổ chức thực hiện việc đặt hàng cung ứng dịch vụ hoa tiêu hàng hải trong phạm vi cả nước.

Ø Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông Vận tải hướng dẫn cơ chế đặt hàng cung ứng dịch vụ hoa tiêu hàng hải, chế độ quản lý thu, nộp và sử dụng phí hoa tiêu hàng hải theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và phù hợp với tình hình thực tế về tổ chức và hoạt động của hoa tiêu hàng hải.

Ø Các sửa đổi, bổ sung này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/09/2011.

**Quyết định số 29/2011/QĐ-TTg ngày 01/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục ngành, lĩnh vực được hưởng mức lãi suất ưu đãi khi vay lại nguồn vốn vay ODA của Chính phủ.**

Ø Có 12 ngành, lĩnh vực được hưởng mức lãi suất ưu đãi khi vay lại nguồn vốn vay ODA của Chính phủ, như: Xây dựng công trình cấp nước sạch phục vụ công

nghiệp và sinh hoạt đô thị; Dự án thu gom, xử lý chất thải rắn đô thị và chất thải rắn công nghiệp; xử lý nước thải công nghiệp; Xây dựng, đầu tư trang thiết bị các cơ sở y tế có khả năng hoàn vốn; Xây dựng đường sắt, đường bộ cao tốc, cảng nước sâu...

Ø Đối với nhóm các ngành tài chính, tín dụng, Chương trình/hợp phần tín dụng thông qua các ngân hàng chính sách hoặc các tổ chức tài chính tín dụng khác để cho vay lại cho các đối tượng thuộc diện chính sách của Chính phủ hoặc theo thiết kế đặc thù của Chương trình/hợp phần tín dụng được Chính phủ quy định cũng được hưởng mức lãi suất ưu đãi khi vay lại nguồn vốn vay ODA của Chính phủ.

Ø Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/07/2011.

**Quyết định số 36/2011/QĐ-TTg ngày 29/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành mức thuế nhập khẩu xe ô tô chở người từ 15 chỗ ngồi trở xuống đã qua sử dụng.**

Ø Xe ô tô chở người từ 09 chỗ ngồi trở xuống đã qua sử dụng dung tích trên 1,5 lít sẽ vừa chịu thuế tuyệt đối, vừa chịu thuế phần trăm.

Ø Xe ô tô dưới 9 chỗ ngồi dung tích xi lanh từ 1,5 lít đến dưới 2,5 lít sẽ chịu thuế suất phần trăm bằng thuế xe ô tô mới cùng loại, cộng thêm mức thuế tuyệt đối là 5.000 USD/xe. Tương tự, xe ô tô có dung tích xi lanh từ 2,5 lít trở lên sau khi áp thuế suất phần trăm như mức nêu trên sẽ phải tính thêm thuế tuyệt đối 15.000 USD/xe.

Ø Đối với một số dòng xe khác, tuy không phải chịu thuế suất phần trăm nhưng mức thuế tuyệt đối đều được nâng lên. Cụ thể, xe ô tô từ 10 đến 15 chỗ ngồi có dung tích xi lanh dưới 2 lít sẽ phải chịu thuế nhập khẩu là 9.500 USD/xe (tăng 1.500 USD so với mức thuế hiện hành); dung tích từ 2 đến 3 lít tăng từ 12.000 USD/xe lên 13.000 USD/xe; dung tích trên 3 lít thì mức thuế nhập khẩu tăng lên đến 17.000 USD/xe.

Ø Xe dưới 9 chỗ ngồi có dung tích xi lanh dưới 1 lít, mức thuế tuyệt đối chỉ tăng thêm 500 USD lên mức 3.500 USD/xe; loại có dung tích xi lanh từ 1 đến 1,5 lít, mức thuế cũng chỉ tăng thêm 1000 USD lên 8000 USD/xe.

Ø Thủ tướng cũng cho phép Bộ Tài chính được điều chỉnh tăng hoặc giảm các mức thuế trong phạm vi 20% mức thuế quy định nêu trên nhưng không vượt quá mức trần theo cam kết gia nhập WTO của Việt Nam nhằm thực hiện mục tiêu kiểm soát và điều tiết tiêu dùng, ngăn ngừa hiện tượng lợi dụng để gian lận thương mại.

Trong trường hợp điều chỉnh thuế vượt quá mức 20%, Bộ Tài chính cần báo cáo Thủ tướng quyết định.

Ø Mức thuế mới sẽ được áp dụng kể từ ngày 15/08/2011; Quyết định này thay thế Quyết định số 69/2006/QĐ-TTg ngày 28/03/2006 của Thủ tướng Chính phủ.

**Quyết định số 37/2011/QĐ-TTg ngày 29/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam.**

Ø Chủ đầu tư chỉ được phép khởi công xây dựng công trình điện gió khi đã có giấy chứng nhận đầu tư; có hợp đồng mua bán điện đã ký với Bên mua điện; có Thỏa thuận đấu nối với Đơn vị phân phối hoặc Đơn vị truyền tải điện và có báo cáo số liệu đo gió trong khoảng thời gian liên tục ít nhất là 12 tháng.

Ø Khi đầu tư vào các dự án điện gió, Nhà đầu tư được ưu đãi về vốn, thuế và các loại phí, cụ thể: Được hưởng ưu đãi theo quy định hiện hành về tín dụng đầu tư của Nhà nước; được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa để tạo tài sản cố định, nguyên, vật liệu, vật tư, bán thành phẩm trong nước chưa sản xuất được; được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp như đối với dự án thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư.

Ø Các dự án điện gió, công trình đường dây và trạm biến áp để đấu nối với lưới điện quốc gia được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật hiện hành áp dụng đối với các dự án thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư.

Ø Bên mua điện có trách nhiệm mua toàn bộ sản lượng điện từ các dự án điện gió với giá điện tại thời điểm giao nhận điện là 1.614 đồng/kWh (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, tương đương 7,8 UScents/kWh); giá mua điện được điều chỉnh theo biến động của tỷ giá đồng/USD.

Ø Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/08/2011.

**Thông tư số 14/2011/TT-NHNN ngày 1/6/2011 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước quy định giảm mức lãi suất huy động vốn tối đa bằng USD của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng (TCTD) từ 3%/năm xuống còn 2%/năm.**

Ø Lãi suất huy động vốn tối đa bằng USD áp dụng đối với tổ chức là người cư trú, tổ chức là người không cư trú (trừ TCTD) là 0,5%; cá nhân là người cư trú, cá nhân là người không cư trú là 2%/năm.

Ø Mức lãi suất huy động vốn tối đa bao gồm cả các khoản chi khuyến mại dưới mọi hình thức và áp dụng đối với phương thức trả lãi cuối kỳ; đối với các phương thức trả lãi khác, phải được quy đổi theo phương thức trả lãi cuối kỳ tương ứng với mức lãi suất huy động vốn tối đa.

Ø Tổ chức tín dụng có trách nhiệm niêm yết công khai lãi suất huy động vốn bằng USD tại các điểm huy động vốn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; nghiêm cấm TCTD thực hiện khuyến mại huy động vốn bằng tiền, lãi suất và các hình thức khác không đúng với quy định của pháp luật.

Ø Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02/06/2011 và thay thế Thông tư số 09/2011/TT-NHNN ngày 09/04/2011; lãi suất huy động vốn có kỳ hạn bằng USD của tổ chức, cá nhân tại TCTD phát sinh trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, thì được thực hiện cho đến hết thời hạn đã thỏa thuận.

**Thông tư số 74/2011/TT-BTC ngày 01/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch chứng khoán với nhiều quy định mới thuận lợi hơn cho hoạt động giao dịch và tính thanh khoản của thị trường như: mở nhiều tài khoản, mua bán chứng khoán trong ngày, giao dịch mua ký quỹ đã được phép áp dụng.**

Ø Bộ Tài chính cho phép mỗi nhà đầu tư được mở nhiều tài khoản tại nhiều công ty chứng khoán khác nhau thay vì quy định trước đây chỉ cho phép mở 01 tài khoản ở 01 công ty chứng khoán. Tuy nhiên khi nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại các công ty chứng khoán khác nhau, trong hồ sơ mở tài khoản tại công ty chứng khoán mới phải ghi rõ số lượng tài khoản đã mở và mã số tài khoản tại các công ty chứng khoán trước đó.

Ø Nhà đầu tư cũng được thực hiện các giao dịch ngược chiều (mua, bán) cùng một loại chứng khoán trong ngày giao dịch, tuy nhiên chỉ được mua (hoặc bán) một loại chứng khoán nếu lệnh bán (hoặc lệnh mua) của chứng khoán cùng loại trước đó đã được thực hiện và lệnh giao dịch phải đáp ứng yêu cầu tỷ lệ ký quỹ theo quy định.

Ø Nhà đầu tư không được phép thực hiện giao dịch mà không dẫn đến việc thay đổi quyền sở hữu chứng khoán và đồng thời đặt lệnh mua và bán cùng một loại chứng khoán trong từng lần khớp lệnh trên cùng một tài khoản hoặc các tài khoản khác nhau mà nhà đầu tư đứng tên sở hữu.

Ø Nhà đầu tư khi mở tài khoản giao dịch chứng khoán thì có thể được ủy quyền giao dịch cho công ty chứng khoán hoặc ngân hàng lưu ký chứng khoán thực hiện giao dịch thay cho mình mà không được ủy quyền cho nhân viên công ty chứng khoán.

Ø Nhà đầu tư muốn thực hiện giao dịch ký quỹ phải mở tài khoản giao dịch ký quỹ tại công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán. Tại mỗi công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch, nhà đầu tư chỉ được phép mở 01 tài khoản giao dịch ký quỹ...

Ø Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/08/2011.

**Thông tư số 78/2011/TT-BTC ngày 08/06/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn không tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân (TNCN) từ tiền lương, tiền công của người lao động khoản hỗ trợ khám chữa bệnh hiểm nghèo cho bản thân người lao động và thân nhân của người lao động từ nguồn thu nhập sau thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), từ nguồn quỹ phúc lợi, khen thưởng của doanh nghiệp.**

Ø Doanh nghiệp được lấy từ nguồn thu nhập sau thuế TNDN; từ nguồn quỹ phúc lợi, khen thưởng để hỗ trợ cho người lao động và thân nhân người lao động mắc bệnh hiểm nghèo gồm: Doanh nghiệp Việt Nam; Doanh nghiệp nước ngoài có cơ sở thường trú hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam; Tổ chức được thành lập và hoạt động theo Luật Hợp tác xã; Đơn vị sự nghiệp công lập, ngoài công lập sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ; Tổ chức có hoạt động sản xuất, kinh doanh có thu nhập.

Ø Đối tượng được hưởng khoản hỗ trợ của doanh nghiệp là người bị mắc bệnh hiểm nghèo bao gồm người lao động làm việc tại doanh nghiệp và thân nhân người lao động (Bố, mẹ đẻ; vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi hợp pháp).

Ø Mức hỗ trợ có thể là một phần hoặc toàn bộ số tiền khám chữa bệnh cho người lao động và thân nhân người lao động nhưng mức hỗ trợ tối đa không quá số tiền trả viện phí của người lao động và thân nhân người lao động sau khi đã trừ số tiền chi trả của cơ quan bảo hiểm y tế.

Ø Doanh nghiệp chi tiền hỗ trợ có trách nhiệm lưu giữ bản sao chứng từ trả tiền viện phí có xác nhận của doanh nghiệp (trong trường hợp người lao động và thân nhân người lao động trả phần còn lại sau khi tổ chức bảo hiểm y tế trả trực tiếp

với cơ sở khám chữa bệnh) hoặc bản sao chứng từ trả viện phí; bản sao chứng từ chi bảo hiểm y tế có xác nhận của doanh nghiệp (trong trường hợp người lao động và thân nhân người lao động trả toàn bộ viện phí, cơ quan bảo hiểm y tế trả tiền bảo hiểm y tế cho người lao động và thân nhân người lao động) cùng với chứng từ chi tiền hỗ trợ cho người lao động và thân nhân người lao động mắc bệnh hiểm nghèo...

Ø Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22/07/2011.

**Thông tư số 79/2011/TT-BTC ngày 08/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Mua bán nợ Việt Nam.**

Ø Công ty TNHH một thành viên mua bán nợ VN do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ; Bộ máy quản lý, kiểm soát và điều hành gồm: Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc. Bộ Tài chính theo phân công của Chính phủ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với công ty này; Bộ Tài chính ủy quyền cho Hội đồng thành viên thực hiện một số quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu vốn nhà nước tại công ty TNHH một thành viên mua bán nợ VN.

Ø Vốn điều lệ là 2.481 tỷ đồng; trong quá trình hoạt động, vốn điều lệ của Công ty có thể được điều chỉnh tăng để phù hợp với nhu cầu hoạt động; việc tăng vốn điều lệ do Bộ Tài chính quyết định. Khi có sự thay đổi vốn điều lệ, công ty phải điều chỉnh vốn điều lệ trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và công bố thông tin theo quy định.

Ø Ngành nghề kinh doanh chính là mua các khoản nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp; tiếp nhận để xử lý các khoản nợ và tài sản đã loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp nhà nước; xử lý các khoản nợ và tài sản đã mua đã tiếp nhận theo quy định; tư vấn, môi giới xử lý nợ, tài sản tồn đọng và kinh doanh những ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

Ø Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23/07/2011 và thay thế Thông tư số 33/2010/TT-BTC ngày 11/03/2010 của Bộ Tài Chính.

**Thông tư 82/2011/TT-BTC ngày 10/06/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng xăng, dầu thuộc nhóm 2710 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.**

Ø Thuế xuất thuế nhập khẩu mặt hàng dầu kerosene (dầu hoả), nhiên liệu diesel được điều chỉnh lên mức thuế suất 5% thay cho mức 0% trước đây (mức thuế nhập khẩu 0% áp dụng đối với mặt hàng xăng, dầu hỏa và diesel được Bộ Tài chính thực hiện từ tháng 01/2011).

Ø Thuế nhập khẩu đối với mặt hàng dầu nhẹ, xăng động cơ các loại kể cả xăng máy bay, dung môi trắng, dầu trung, naphtha, reformate và các chế phẩm khác để pha chế xăng... vẫn được duy trì mức 0%.

Ø Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/06/2011 và thay thế Thông tư số 24/2011/TT-BTC ngày 23/02/2011.

**Thông tư số 89/2011/TT-BTC ngày 17/06/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phương pháp xác định giá sàn gạo xuất khẩu làm căn cứ để Hiệp hội Lương thực Việt Nam xác định và công bố giá sàn gạo xuất khẩu trong từng thời kỳ để thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo có cơ sở ký kết hợp đồng và đăng ký hợp đồng xuất khẩu gạo.**

Ø Trong trường hợp giá thị trường thế giới hạ thấp, thương nhân phải tính toán chi tiết giảm chi phí kinh doanh của mình, không được ép giá mua thóc, gạo của người sản xuất xuống thấp không phù hợp với giá thóc định hướng theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền và mặt bằng giá thị trường; đồng thời phải chấp nhận các biện pháp bình ổn giá thóc, gạo ở thị trường trong nước.

Ø Căn cứ vào chi phí kinh doanh xuất khẩu gạo, giá thị trường thế giới và điều kiện xuất khẩu gạo theo giá FOB hoặc CNF/CIF, thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo lựa chọn áp dụng 01 trong 02 phương pháp xác định giá sàn gạo xuất khẩu là: Phương pháp chi phí và Phương pháp khấu trừ.

Ø Theo Phương pháp chi phí, giá sàn xuất khẩu gạo bình quân của từng tiêu chuẩn phẩm cấp gạo được xác định bằng giá vốn gạo xuất khẩu bình quân của từng tiêu chuẩn phẩm cấp gạo cộng lợi nhuận dự kiến cộng các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật. Mức lợi nhuận dự kiến tối đa được xác định bằng tỷ suất lợi nhuận thực tế (tính trên giá vốn gạo xuất khẩu) của toàn ngành xuất khẩu gạo bình quân 01 năm của 03 năm liền kề với thời điểm tính giá.

Ø Theo Phương pháp khấu trừ, giá sàn gạo xuất khẩu bình quân theo từng tiêu chuẩn, phẩm cấp gạo xác định bằng giá gạo trên thị trường thế giới của từng tiêu chuẩn, phẩm cấp gạo trừ tổng chi phí thực hiện đưa sản phẩm từ cảng xuất khẩu

đến cảng nhập khẩu (chi phí vận tải quốc tế và xếp dỡ; phí, lệ phí bến cảng; phí, lệ phí hải quan; phí kiểm định sản phẩm và các chi phí khác)...

Ø Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/08/2011.

**Thông tư số 87/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm kê, đánh giá lại tài sản và vốn của doanh nghiệp do nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ tại thời điểm 0 giờ ngày 01/07/2011 theo Quyết định số 352/QĐ-TTg ngày 10/03/2011 của Thủ tướng Chính phủ.**

Ø Trước khi tiến hành kiểm kê, doanh nghiệp phải thực hiện khóa sổ lợi nhuận; không phân phối lợi nhuận của năm 2010; lập báo cáo quyết toán tại thời điểm ngày 30/06/2011 theo quy định. Bên cạnh đó, phải tiến hành kiểm kê theo phương pháp thực tế, đối chiếu với số liệu trên sổ kế toán.

Ø Đối tượng kiểm kê là toàn bộ tài sản thuộc quyền quản lý và sử dụng của doanh nghiệp (tài sản cố định hiện có tại doanh nghiệp, công trình xây dựng cơ bản, đất, tài sản lưu động, các khoản đầu tư tài chính, các khoản nợ phải thu); nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu doanh nghiệp.

Ø Việc xác định lại giá trị tài sản cố định phải theo công thức: giá trị còn lại của tài sản cố định đánh giá lại bằng nguyên giá nhân với chất lượng còn lại tài sản cố định (%). Đối với tài sản lưu động, phải xác định lại giá trị của nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa, thành phẩm, bán thành phẩm đã tồn kho trên 12 tháng tính từ thời điểm kiểm kê; riêng tài sản kém, mất phẩm chất, ứ đọng, chậm luân chuyển... đều phải thực hiện xác định lại giá trị và không phụ thuộc vào thời gian tồn kho.

Ø Bộ Tài chính chỉ yêu cầu đánh giá lại các khoản nợ phải thu, nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ lấy theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm ngày 01/07/2011; đối với ngoại tệ không có tỷ giá với VNĐ thì sử dụng tỷ giá chéo với USD.

Ø Đối với tài sản là đất, thực hiện đánh giá lại giá trị quyền sử dụng đất theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Đối với các khoản đầu tư chứng khoán phải xác định lại theo giá giao dịch trên thị trường tại thời điểm kiểm kê; vốn góp vào doanh nghiệp khác được xác định trên cơ sở tỷ lệ vốn đầu tư của doanh nghiệp trên vốn điều lệ hoặc tổng số vốn góp tại các doanh nghiệp khác...



**Thông tư số 92/2011/TT-BTC ngày 23/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện trợ cấp khó khăn đối với người lao động trong doanh nghiệp theo Quyết định số 471/QĐ-TTg ngày 30/03/2011 của Thủ tướng Chính phủ.**

Ø Đối tượng áp dụng trợ cấp khó khăn theo hướng dẫn tại Thông tư này là người lao động có tên trong danh sách lao động của doanh nghiệp tại thời điểm 30/03/2011 và có thu nhập từ 2,2 triệu đồng/tháng trở xuống (đã trừ đi các khoản tiền thường từ lợi nhuận sau thuế, tiền ăn ca, tiền chế độ bồi dưỡng nghề độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt độc hại nguy hiểm).

Ø Các doanh nghiệp căn cứ vào nguồn Quỹ tài chính hợp pháp và khả năng tài chính để quyết định mức trợ cấp khó khăn cụ thể cho người lao động nhưng tối thiểu là 250.000 đồng/người. Số tiền trợ cấp khó khăn cho người lao động được loại trừ không dùng để tính nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn.

Ø Căn cứ mức trợ cấp và danh sách người lao động được hưởng trợ cấp đã được phê duyệt, các doanh nghiệp chủ động thực hiện chi trợ cấp khó khăn cho người lao động 01 lần trong năm 2011.

Ø Sau khi đã sử dụng các nguồn Quỹ tài chính hợp pháp để chi trợ cấp còn thiếu hoặc doanh nghiệp không có nguồn Quỹ tài chính hợp pháp để đảm bảo mức chi nêu trên, doanh nghiệp được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp số tiền tối đa là 250.000 đồng/người để chi trợ cấp khó khăn chưa có nguồn bù đắp.

Ø Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/08/2011.

**Thông tư số 15/2011/TT-BTTTT ngày 28/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý chất lượng dịch vụ bưu chính.**

Ø Các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính có trách nhiệm đảm bảo và duy trì chất lượng dịch vụ như mức đã công bố; thường xuyên tự kiểm tra chất lượng dịch vụ do mình cung ứng. Khi phát hiện mức chất lượng dịch vụ không phù hợp với mức đã công bố phải thực hiện ngay các biện pháp khắc phục để đảm bảo chất lượng dịch vụ.

Ø Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính được Nhà nước chỉ định để thực hiện nghĩa vụ bưu chính công ích có trách nhiệm công bố hợp quy dịch vụ bưu chính công ích theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dịch vụ bưu chính công ích do

Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành; mức công bố không được trái với mức quy định của quy chuẩn.

Ø Trước ngày 20/01 và 20/07 hàng năm, doanh nghiệp được chỉ định báo cáo chất lượng dịch vụ bưu chính công ích đã cung ứng trong 06 tháng trước đó về Cục Quản lý chất lượng Công nghệ thông tin và truyền thông.

Ø Hàng năm, Cục Quản lý chất lượng Công nghệ thông tin và truyền thông thực hiện kiểm tra chất lượng dịch vụ bưu chính công ích đối với doanh nghiệp được chỉ định về việc chấp hành các quy định quản lý chất lượng dịch vụ công ích; thử nghiệm, lấy mẫu và kiểm tra, đánh giá các chỉ tiêu chất lượng dịch vụ theo quy chuẩn và mức chất lượng mà doanh nghiệp được chỉ định công bố.

Ø Doanh nghiệp không thuộc dịch vụ bưu chính công ích có trách nhiệm công bố chất lượng dịch vụ phù hợp tiêu chuẩn tự nguyện áp dụng theo ít nhất một trong các hình thức: Công bố trên website của doanh nghiệp; niêm yết công khai tại nơi dễ dàng đọc được ở các điểm dịch vụ; trong cam kết với khách hàng ở hợp đồng, phiếu nhận, tờ rơi cung cấp dịch vụ hoặc các hình thức khác.

Ø Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12/08/2011; bãi bỏ các nội dung về quản lý chất lượng dịch vụ bưu chính tại Quy định về quản lý chất lượng dịch vụ bưu chính, viễn thông ban hành kèm theo Quyết định số 33/2006/QĐ-BBCVT ngày 06/09/2006.

### **III. Nghiên cứu pháp luật kinh tế**

#### **Triển khai Luật Quản lý thuế : Hải quan cũng vướng**

*Sau 4 năm triển khai thực hiện, Luật Quản lý thuế đã chứng minh được vai trò quan trọng trong điều hành chính sách thuế. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai luật này, cơ quan hải quan đã gặp không ít khó khăn khi triển khai thực tế.*

Ngoài ra luật còn nhiều quy định không ăn nhập với hoạt động thực tế như cách tính tỉ giá tính thuế đối với hàng hoá XNK tại thời điểm nộp hồ sơ hay thời điểm làm thủ tục đang gây nhiều khó khăn.

#### **Chỗ thì thất quá**

Trong thực tế triển khai Luật Quản lý thuế, Tổng cục Hải quan cho biết có khá nhiều vướng mắc cần phải được xem xét điều chỉnh vì các quy định trong luật quá “thất”, gây khó khăn cho cả người nộp thuế cũng như cơ quan quản lý thuế. Cụ thể

trong việc nộp thuế, thực tế có trường hợp người nộp thuế nộp thừa tiền phạt nhưng Luật Quản lý thuế lại không hề đề cập đến việc xử lý giải quyết cho các trường hợp này, gây bức xúc cho người nộp thuế. Bên cạnh đó, luật lại quy định cơ quan hải quan có trách nhiệm xử lý tiền thuế nộp thừa không giới hạn thời điểm phát sinh. Quy định này cũng gây không ít khó khăn vì đối với những trường hợp nộp thừa đã (ngoài 5 năm) thì sẽ không còn hồ sơ hải quan nữa do hết thời hạn lưu giữ dẫn tới việc xử lý thiếu chính xác.

Đây là chưa kể quy định về khai bổ sung hồ sơ khai thuế đối với hàng hóa XNK còn bị trùng lặp. Theo quy định của luật, việc khai bổ sung thực hiện trong hai trường hợp: trước thời điểm cơ quan hải quan kiểm tra hoặc miễn kiểm tra thực tế hàng hoá, người khai hải quan phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp có sai sót. Và người nộp thuế tự phát hiện những sai sót ảnh hưởng đến số thuế phải nộp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan, nhưng trước khi cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra, thanh tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế. Quy định này bị cho là khó hiểu vì thời hạn 60 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan đã bao gồm cả thời hạn kể từ khi đăng ký tờ khai hải quan đến trước khi cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra hoặc miễn kiểm tra thực tế hàng hoá. Hơn thế nữa, việc chỉ cho phép khai bổ sung trong thời hạn 60 ngày là quá ngắn.

Ngoài ra, việc miễn xử phạt vi phạm luật về thuế vẫn còn cứng nhắc. Ngành hải quan cho rằng cần phải bao quát hơn nữa như trường hợp không phải do nguyên nhân chủ quan của DN chây ỳ mà do các nguyên nhân như: tiền nộp thuế là tiền cấp từ ngân sách nhưng ngân sách chậm cấp tiến độ nộp thuế, một số khoản tiền thuế chỉ là thuế tạm thu sau đó hoàn lại.

### **Chỗ lại mờ quá**

Theo TCHQ, đó chính là thời hạn nộp thuế. Cụ thể là việc cho DN được nợ thuế trong điều kiện quy định về thành lập DN tại Luật DN không chặt chẽ, nên một số DN đã lợi dụng quy định này để NK hàng, sau đó chây ỳ không chịu nộp thuế đúng thời hạn hoặc tự ngừng hoạt động dẫn đến tình trạng nợ thuế tăng cao, khó có khả năng thu hồi, gây thất thu NSNN.

Bên cạnh đó, việc quy định cho hàng hoá NK được nợ thuế trong một khoảng thời gian (từ 15 đến 275 ngày tùy theo loại hàng hoá) như hiện hành không đảm bảo công bằng giữa hàng hoá NK (được nợ thuế) với hàng hoá được sản xuất trong nước (không được hưởng ưu đãi này). Từ đó không khuyến khích sử dụng, tiêu dùng hàng nội địa. Hơn thế nữa, lợi ích thực tế mà DN được hưởng từ việc cho nợ

thuế không lớn (vẫn phải trả bảo lãnh và trả tiền chậm nộp nếu chậm nộp) so với vay ngân hàng, trong khi cơ quan quản lý nhà nước phải duy trì một nguồn nhân lực và chi phí về máy móc, thiết bị, trụ sở văn phòng... để quản lý nợ thuế từ Tổng cục Hải quan, Tổng cục Thuế đến các cục hải quan, cục thuế, chi cục hải quan, chi cục thuế...

Thực tế, việc cho nợ thuế đã tạo ra tâm lý dù có khả năng thanh toán thuế, DN chiếm dụng vốn để thành lập Cty, lợi dụng chính sách cho nợ thuế của Nhà nước để chây ỳ nợ thuế, sau đó bỏ trốn hoặc tự giải thể, gây thất thu NSNN.

Cơ quan hải quan và DN rất mong các vướng mắc trên sớm được tháo gỡ để tạo điều kiện cho môi trường thương mại được thông thoáng, theo kịp quá trình hội nhập quốc tế và khu vực.

**Đức Linh**  
<http://www.dddn.com.vn>

## **Hoàn thiện dự thảo quản lý vàng miếng: Vấn khó cho doanh nghiệp**

*Bản dự thảo cuối cùng của Nghị định kinh doanh vàng miếng vừa được Ngân hàng nhà nước (NHNN) gửi tới các bộ, ngành, DN và hiệp hội để lấy ý kiến. Một trong những nội dung quan trọng trong dự thảo là giữ nguyên quyền mua của các tổ chức cá nhân.*

*Theo dự thảo, quyền mua bán vàng miếng của các tổ chức, cá nhân vẫn được thừa nhận, chứ không phải giao dịch một chiều (chỉ bán mà không được mua) như ý tưởng đưa ra trước đây.*

### **Cởi mở hơn**

Song, các giao dịch này phải được thực hiện tại ngân hàng và các DN được các NHNN cấp phép kinh doanh, mua bán vàng miếng. Việc mua bán vàng miếng với những đối tượng không có giấy phép sẽ bị coi là vi phạm pháp luật. Các DN và tổ chức hoạt động kinh doanh và mua bán vàng miếng phải được NHNN cấp phép theo những điều kiện nhất định.

Tiến sĩ Lê Xuân Nghĩa - Phó chủ tịch Ủy ban giám sát tài chính quốc gia cho rằng, việc tăng dự trữ ngoại hối cho NHNN bằng vàng miếng là chủ trương hết sức đúng đắn, nhờ đó sẽ nâng cao khả năng can thiệp ổn định thị trường của NHNN. Tuy nhiên, cũng cần đưa ra cơ chế rõ ràng hơn để NHNN phải là người mua- người bán cuối cùng phục vụ cho thanh khoản của nền kinh tế.

Ngoài quy định đối với vàng miếng, dự thảo cũng đưa ra điều kiện khá chặt chẽ đối với vàng trang sức, mỹ nghệ. Nếu theo quy định của dự thảo thì các tổ chức và cá nhân muốn thực hiện hoạt động sản xuất, gia công và mua bán phải thành lập DN và phải được NHNN cấp giấy chứng nhận. Khi xuất khẩu vàng trang sức, mỹ nghệ có hàm lượng từ 20 kg trở lên phải được NHNN cấp phép. Việc nhập khẩu được thực hiện theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của DN.

Riêng đối với hoạt động sản xuất vàng miếng, dự thảo đưa ra hai phương án: NHNN tổ chức sản xuất hoặc cấp phép cho DN sản xuất. Trong trường hợp này, NHNN sẽ quy định trình tự, thủ tục và số lượng DN được sản xuất gia công vàng miếng trong từng thời kỳ nhằm quản lý chặt chẽ hoạt động này.

Về hoạt động xuất nhập khẩu vàng nguyên liệu, dự thảo theo hướng siết chặt hơn. Theo đó, DN sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ phục vụ thị trường trong nước và XK sẽ được NHNN xem xét cấp giấy phép NK. DN kinh doanh vàng có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài được cấp phép tạm nhập vàng để tái xuất sản phẩm.

### **Bản khoăn và lo ngại**

Các nội dung liên quan đến sản xuất, cấp phép cũng như các tiêu chí chọn DN cho sản xuất vàng dường như sẽ tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất của các DN hiện nay. Tuy nhiên, dự thảo cũng tạo ra không ít băn khoăn, lo ngại cho họ. Bà Nguyễn Thị Cúc - Phó tổng giám đốc Cty cổ phần vàng bạc Phú Nhuận cho biết, NHNN phải chọn thương hiệu vàng quốc gia trong trường hợp đứng ra tổ chức sản xuất bởi lẽ, hiện nay trên thị trường có tới 8 thương hiệu vàng được NHNN cấp phép. Vì vậy, theo bà Cúc việc NHNN đứng ra sản xuất sẽ đặt ra câu hỏi liệu cơ chế quản lý tập trung như thế có tạo được sự linh hoạt như yêu cầu của thị trường không. Chưa kể các tiêu chí để chọn DN được cấp phép sản xuất và kinh doanh vàng miếng vẫn chưa được làm rõ trong dự thảo.

Ông Đỗ Minh Phú - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Cty CP Vàng bạc đá quý SJC Hà Nội cũng cho biết, NHNN có vẻ hơi vội vàng. Đơn cử, việc hình thành Sở giao dịch vàng quốc gia dù được tới 99% người ủng hộ, tuy nhiên dự thảo nghị định không thấy đề cập, hay như quy định vàng tài khoản cũng chỉ bó hẹp trong một định nghĩa rất ngắn. Đồng quan điểm trên, không ít lãnh đạo của các Cty kinh doanh vàng lo ngại, NHNN sẽ bị “quá tải” khi tập trung tất cả quyền quyết định từ vàng miếng, tới nữ trang, đến vàng nguyên liệu, rồi điều kiện kinh doanh, cơ sở vật chất. Nếu một DN muốn kinh doanh được đầy đủ vàng miếng, vàng trang sức từ sản xuất,

gia công đến kinh doanh bắt buộc phải xin được 6-7 giấy phép. Muốn nhập vàng trang sức, mỹ nghệ trên 20 kg phải xin phép, trong khi đó, giá vàng liên tục biến động hàng giờ. Điều này khiến DN hết sức khó khăn và như vậy sẽ khó tạo sự liên thông giá vàng trong nước và thế giới, tạo ra minh bạch, công khai cho thị trường vàng.

Theo ông Nguyễn Thanh Trúc- Chủ tịch Hội đồng quản trị TCty vàng AgriBank, ngành công nghiệp nữ trang của VN chưa mạnh song trong thời gian qua, hoạt động xuất khẩu nữ trang cũng góp phần mang lại một nguồn ngoại tệ lớn giúp bình ổn thị trường rất tốt. Do đó, Nhà nước cần phải tạo điều kiện để phát triển chứ đừng để mai một.

Có thể nói để việc kinh doanh vàng miếng đi vào thống nhất và mang lại hiệu quả cao trong giao dịch theo ý kiến của không ít các chuyên gia là cần phải có những quy định thực sự rõ ràng và dự thảo trên cần được lấy ý kiến rộng rãi, kỹ lưỡng trước khi ban hành. Cũng theo các chuyên gia, nếu NHNN quá “ôm đồm” trách nhiệm vào mình e rằng việc kinh doanh vàng miếng vẫn sẽ không có những tiến triển khả thi.

Mai Thanh  
<http://www.dddn.com.vn>

## **Luật Tài nguyên nước và những đòi hỏi mới trong công tác quản lý nhà nước**

*Sau hơn 12 năm đi vào cuộc sống, Luật Tài nguyên nước 1998 đang đứng trước những đòi hỏi mới của công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước cũng như tác động của biến đổi khí hậu.*

### **Thiếu quy định cụ thể**

Mặc dù Luật Tài nguyên nước đã xác định vai trò của việc xây dựng và thực hiện quy hoạch tài nguyên nước; quy định mọi hoạt động bảo vệ, khai thác, sử dụng và phòng chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra phải tuân thủ quy hoạch tài nguyên nước. Tuy nhiên, công tác quy hoạch tài nguyên nước còn chậm do Luật mới chỉ quy định về nguyên tắc, thiếu các quy định cụ thể như nội dung, trình tự thủ tục lập, thẩm định, thẩm quyền phê duyệt... Bên cạnh đó, chưa có cơ chế, biện pháp cụ thể để bảo đảm quy hoạch khai thác, sử dụng nước của các ngành, lĩnh vực có liên quan đến sử dụng tài nguyên nước phù hợp với quy hoạch tài nguyên nước, bảo đảm sử dụng tổng hợp, hiệu quả và đa mục tiêu các nguồn nước.

Việc thiếu quy hoạch và một tổ chức đủ mạnh để điều phối các hoạt động trên lưu vực sông đã phát sinh những vấn đề liên ngành, liên địa phương cần giải quyết nhưng chưa được xử lý kịp thời. Hệ quả của nó là việc khai thác, sử dụng tài nguyên

nước chưa hợp lý, chưa bảo đảm tổng hợp, hiệu quả; chưa gắn kết giữa khai thác, sử dụng với bảo vệ, với phòng, chống tác hại do nước gây ra.

Mặt khác, trong khi hoạt động điều tra cơ bản, quan trắc, dự báo, kiểm kê, đánh giá tài nguyên nước và thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước là nền tảng cơ bản của công tác quy hoạch, quản lý các hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ và phòng chống tác hại do nước gây ra thì lại chưa có quy định cụ thể. Luật Tài nguyên nước mới chỉ quy định các nguyên tắc về trách nhiệm thực hiện điều tra cơ bản; thiếu các quy định về nguyên tắc, nội dung, yêu cầu, phân công, phân cấp trách nhiệm thực hiện... Từ việc không nắm được tài nguyên nước quốc gia dẫn đến không dự báo sớm được tình hình tài nguyên nước để có những biện pháp chủ động ứng phó, giải quyết, xử lý những vấn đề phát sinh trong thực tiễn.

### **Bảo vệ tài nguyên nước: thiếu đồng bộ**

Có thể thấy, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật phục vụ công tác quản lý và bảo vệ tài nguyên nước còn thiếu và chưa đồng bộ. Điều này, thể hiện ở việc không có điều luật quy định về bảo vệ các hệ sinh thái thủy sinh, bảo vệ lòng, bờ, bãi sông, bảo vệ hành lang bảo vệ nguồn nước và thiếu các quy định về bảo vệ số lượng nước. Một số văn bản được ban hành quá chậm khiến cho việc thực thi các điều luật vào trong cuộc sống còn rất khó khăn.

Phó tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường Lê Kế Sơn chia sẻ, khi đất nước bước vào thời kỳ công nghiệp hoá, đô thị hoá, một số quy định về bảo vệ tài nguyên nước trong Luật hiện không còn phù hợp. Đặc biệt, nhiều vấn đề phát sinh trong thực tiễn nhưng chưa được điều chỉnh như bảo vệ số lượng nước, phòng, chống suy thoái, cạn kiệt nguồn nước; bảo vệ các nguồn nước quan trọng như sông, suối, hồ, đầm, hoạt động quản lý, kiểm soát ô nhiễm nước ở các vùng nông thôn chưa được quan tâm thoả đáng.

Bên cạnh, những vấn đề mới phát sinh từ thực tiễn thì những quy phạm pháp luật hiện hành cũng chưa quy định rõ ràng, cụ thể về trách nhiệm bảo vệ tài nguyên nước của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, của UBND các cấp; giáo dục cộng đồng trong bảo vệ tài nguyên nước. Chính vì thế, mặc dù có thể thấy rõ giá trị kinh tế của tài nguyên nước song việc quản lý nhà nước về tài nguyên nước, vấn đề kinh tế, tài chính trong lĩnh vực tài nguyên nước chưa được coi là biện pháp quan trọng góp phần bảo vệ bền vững tài nguyên nước.

## **Những quy định mới của dự thảo Luật Tài nguyên nước**

Dự thảo đã có những chương riêng về những vấn đề nêu trên, cụ thể bổ sung chương mới, quy định về nội dung chủ yếu của công tác điều tra cơ bản tài nguyên nước; tổ chức thực hiện công tác điều tra cơ bản tài nguyên nước; kinh phí thực hiện công tác điều tra cơ bản tài nguyên nước; quy hoạch tài nguyên nước, kỳ hạn và thời gian lập quy hoạch tài nguyên nước; căn cứ lập quy hoạch tài nguyên nước; lập nhiệm vụ quy hoạch tài nguyên nước; kinh phí lập quy hoạch tài nguyên nước; và lưu trữ hồ sơ quy hoạch...

Ngoài ra, so với Luật hiện hành, Dự thảo Luật đã bổ sung nhiều quy định nhằm đáp ứng yêu cầu mới của công tác bảo vệ môi trường, trong đó có quy định về bảo vệ và phát triển nguồn sinh thủy; hành lang bảo vệ nguồn nước; bảo vệ lòng bờ, bãi sông; bảo vệ nguồn nước; bảo đảm sự lưu thông dòng chảy.

Tuy nhiên, cần phải thấy rằng bảo vệ môi trường là hoạt động mang tính cộng đồng cao, bên cạnh những nỗ lực của cơ quan quản lý nhà nước thì vai trò của từng cá nhân trong xã hội cũng hết sức quan trọng, chính vì lẽ đó việc tuyên truyền phổ biến pháp luật về môi trường là một việc cần phải ưu tiên hàng đầu, và phải được triển khai sâu rộng đến mọi tầng lớp nhân dân. Bởi, thực tế sau hơn 12 năm đi vào cuộc sống, công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tài nguyên nước còn nghèo nàn, chưa đáp ứng yêu cầu hình thức thực hiện nên công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tài nguyên nước chưa được thực hiện thường xuyên, chưa được phổ biến sâu rộng tới người dân và doanh nghiệp. Nhiều quy định của pháp luật chưa đến người dân, doanh nghiệp; ý thức chấp hành pháp luật còn thấp; nhận thức của xã hội về tầm quan trọng của việc bảo vệ, gìn giữ các nguồn nước, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả còn hạn chế.

*Phùng Hương*

*Nguồn: Báo điện tử Đại biểu nhân dân*



## **Tranh cãi về thuế thu nhập cá nhân ủy quyền chuyển nhượng BĐS**

*Mặc dù Bộ Xây dựng không đồng ý, nhưng ngành Thuế vẫn nhất định thu thuế thu nhập cá nhân (TNCN) từ hoạt động ủy quyền chuyển nhượng bất động sản (BDS). Tuy nhiên, tranh cãi pháp lý xung quanh vấn đề này vẫn chưa có được câu trả lời thỏa đáng.*

### **Bộ Xây dựng: không có cơ sở thu thuế**

Các đây chưa lâu, trong một văn bản trả lời Bộ Tài chính liên quan đến việc thu thuế TNCN trong ủy quyền chuyển nhượng BĐS, Bộ Xây dựng đã nêu rõ quan điểm, việc ủy quyền chuyển nhượng BĐS là một dạng giao dịch dân sự. Người sở hữu đất đai có thể ủy quyền cho người khác thay mình thực hiện các quyền của chủ sở hữu như bán, cho thuê, thế chấp BĐS... Giao dịch này không làm phát sinh việc chuyển dịch quyền sở hữu, quyền sử dụng mà chỉ là sự thay đổi chủ thể thực hiện các quyền của chủ sở hữu. Vì vậy, không có cơ sở để thu thuế thu nhập cá nhân cũng như thu lệ phí trước bạ của người ủy quyền và người được ủy quyền chuyển nhượng BĐS.

Bộ Xây dựng cũng lập luận, theo quy định của Luật Thuế thu nhập cá nhân, những hộ gia đình, cá nhân có chuyển nhượng BĐS mà không phải là sản phẩm duy nhất mới thuộc diện phải nộp thuế thu nhập cá nhân. Giao dịch ủy quyền BĐS không làm thay đổi chủ sở hữu, chủ sử dụng BĐS, không làm phát sinh thu nhập từ việc ủy quyền nên không thuộc diện phải chịu thuế thu nhập cá nhân.

Hiện nay, Luật Nhà ở chỉ có quy định về việc ủy quyền quản lý, sử dụng nhà ở mà không có quy định về việc ủy quyền định đoạt nhà ở.

### **Ngành Thuế: thực chất là giao dịch mua bán**

“Việc cá nhân có đầy đủ năng lực dân sự mà ủy quyền cho cá nhân khác được toàn quyền thực hiện việc chiếm hữu, quản lý, sử dụng và định đoạt BĐS của mình, bao gồm cả việc cho thuê, cho mượn, chuyển nhượng, đổi, cho tặng, thế chấp và không hoàn trả lại BĐS, các lợi ích có được từ hoạt động ủy quyền; đồng thời bên được ủy quyền không nhận thù lao thì thực chất đó là hoạt động mua bán BĐS” - Từ quan điểm đó, trong Công văn 1133 ký ngày 5/5 trả lời Cục Thuế TP Hà Nội về thuế TNCN đối với trường hợp cá nhân có BĐS ủy quyền cho cá nhân khác thực hiện giao dịch BĐS, Tổng cục Thuế chỉ đạo Cục thuế Hà Nội thu TNCN với hợp đồng ủy quyền giao dịch BĐS. Đây là công văn hướng dẫn thực hiện chính sách thuế nên chỉ đạo tại công văn được tất cả cục thuế các tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương thống nhất thực hiện.

Theo lập luận của Bộ Tài chính, việc ủy quyền giao dịch BĐS, trong nhiều trường hợp, thực chất đó là giao dịch mua bán. Vì quyền lợi của số đông, vì nguồn thu của ngân sách, hơn nữa để công bằng với các đối tượng nộp thuế khác, cơ quan

thuế ra hướng dẫn trên và hoàn toàn chịu trách nhiệm về hướng dẫn này. Giao dịch ủy quyền BĐS mà làm thay đổi chủ sở hữu, chủ sử dụng BĐS, làm phát sinh thu nhập từ việc ủy quyền thì người ủy quyền thuộc diện phải chịu thuế TNCN. Vì họ không kê khai giá tài sản nên cơ quan thuế sẽ thu mức thuế bằng 2% tổng giá trị tài sản (theo giá do UBND tỉnh công bố).

### **Phải sửa Bộ luật Dân sự?**

Bộ luật Dân sự cho phép các bên được ủy quyền, nhận ủy quyền. Luật cũng quy định việc ủy quyền có thể có thù lao hoặc không và người được ủy quyền không nhất thiết phải là người nhà mà tùy thuộc ý chí của người ủy quyền. Với loại giao dịch này, các bên không phải chịu thuế TNCN.

Theo tìm hiểu của chúng tôi, liên quan đến việc thu thuế TNCN và trước bạ trong hoạt động ủy quyền mà suốt nhiều tháng qua, hoạt động này “tắc” do quan điểm các bộ ngành trái nhau, trong đó có những quan điểm trái cả các quy định trong Bộ luật Dân sự. Trong một lần trao đổi với chúng tôi, Trưởng phòng Công chứng số 4 TP.Hà Nội Đặng Mạnh Tiến chia sẻ, phải hiểu cho đúng ý nghĩa của từ ủy quyền, rằng bên được ủy quyền thực hiện các giao dịch mua bán, thế chấp, tặng cho... là nhân danh bên ủy quyền, làm thay cho bên ủy quyền. Việc ủy quyền không làm phát sinh quyền sở hữu của bên được ủy quyền. Bởi thế, trên giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, người ủy quyền vẫn là chủ sở hữu.

Luật sư Nguyễn Mạnh Thắng cũng bình luận rằng, “không thể ép buộc hoặc suy luận không ủy quyền cho người thân nghĩa là mua bán, rồi đưa vào một văn bản dạng quy phạm pháp luật. Trong pháp luật không có chuyện suy đoán”. Theo ông Thắng, hai giao dịch hoàn toàn khác nhau về hình thức lẫn bản chất. Khi người được ủy quyền chuyển nhượng tài sản thì người ủy quyền vẫn phải chịu trách nhiệm về giao dịch này. Người ủy quyền hoặc người được ủy quyền đều có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng ủy quyền với điều kiện báo cho bên kia biết. Đó là những điểm hoàn toàn khác biệt với giao dịch chuyển nhượng.

Về ủy quyền là quyền của chủ sở hữu đã được Bộ luật Dân sự cho phép. Có ý kiến cho rằng, để chấn chỉnh tình trạng lợi dụng quy định ủy quyền để trốn thuế TNCN, có thể sửa đổi Bộ luật Dân sự theo hướng không cho ủy quyền định đoạt bất động sản. Đề xuất này cũng chính là một đề xuất hạn chế quyền dân sự và nhu cầu chính đáng, có thực của chủ sở hữu.

*Bách Nguyễn  
Nguồn: Báo Pháp luật Việt Nam*

*Phụ trách chuyên mục: ThS. Nguyễn Hữu Mạnh  
Ths. Nguyễn Thị Hồng Hạnh*

*Địa chỉ email: [manhnguyenhuu@yahoo.com](mailto:manhnguyenhuu@yahoo.com)*